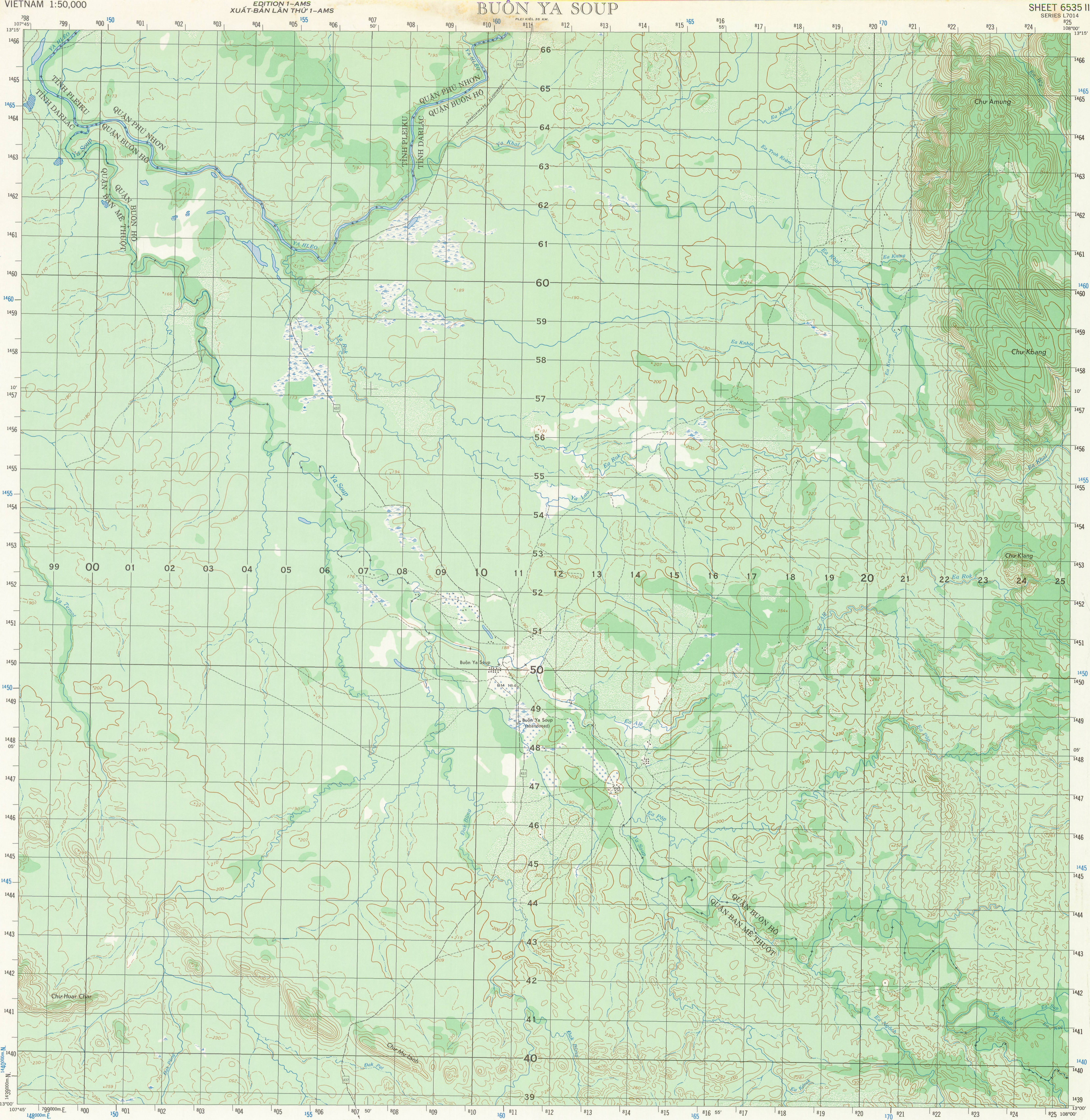




LEGEND - CHỮ TỰ
MAP INFORMATION AS OF 1965
BẢN ĐỒ TỈNH NĂM 1965

On this map a LANE is considered as being a minimum of 24 m. (8 feet) in width. Trên bản đồ này một LỐI XE ĐI được coi như rộng ít nhất là 2,4 mét.

Dense forest or jungle indicates more than 25 percent of ground is concealed by canopy with undergrowth generally impassable on foot. Clear forest indicates more than 25 percent of ground is concealed by canopy with undergrowth generally passable on foot. Vegetation classified by other identification from aerial photography. Rừng rậm hay rừng già chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% ẩn thành vòm cây kín và phía dưới rừng không thể qua lại được. Rừng thưa chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% ẩn thành vòm cây kín và phía dưới rừng không thể qua lại được. Thảm thực vật khác theo không gian.

WHEN REFERRING TO POPULATED PLACE NAMES, INCLUDE UTM GRID COORDINATES

ROADS - ĐƯỜNG XE

All weather, hard surface, two or more lanes wide
Đường rừng nhựa, có hai hay trên hai làn xe đi

All weather, loose or light surface, two or more lanes wide
Đường cát đá hay rừng nhựa, có một làn xe đi

All weather, loose or light surface, one lane wide
Đường rừng nhựa, có một làn xe đi

Fair or dry weather, loose surface - Đường đất

Cart track - Đường dùng xe ngựa

Footpath, trail - Đường mòn, đường bộ

ROUTE MARKERS - DẤU HIỆU ĐƯỜNG XE

National, International

Quốc lộ, Làn làn lộ

Provincial, Commercial or other

Tỉnh lộ, Đường lộ hay khác

RAILROADS - ĐƯỜNG XE LÒA

Normal gauge, single track, 1 meter (3'3") wide, Station

Lưu lượng đường, một đường, rộng 1 mét (3,3 feet)

Normal gauge, double track

Lưu lượng đường, hai đường

Lưu lượng đơn, một đường

Airfield: All weather: Seasonal

Sân bay: Đường nhựa; Đường đất

HAO LÔNG

Province office, Delegation office

Ty-pô hành chính Tỉnh, Ty-pô hành chính Quận

Town, Well, Spring

Đô thị, Nước, Giếng, Nguồn

Masonry dam, Earthen dam

Đập bê tông, Đập đất

Lake or pond: Perennial, Intermittent

Hồ hay ao: Có nước quanh năm, Từng mùa

Salt evaporator

Thiết bị muối

Limestone mountain

Núi đá vôi

Sand - Cát

Clear forest

Rừng thưa

Clear forest

Rừng thưa

Plantation: Tea

Trồng trọt: Trà

Rice, Sesame

Trồng lúa, Trồng đậu

Land subject to inundation

Đất có thể lụt

Nipa, Mangrove

Đất nước: Cây nipa

Coffee, Rubber

Cà phê, Cao su

Palm, Breadwood

Cây dừa, Cây gạo

Pine, Bamboo

Thông, Trúc

Glossary - CHỮ TỰ

Ban, Village

Buôn, Village

Bak, Mountain

Bak, Stream

Ya, Stream

Plei, Village

Scale Tỷ lệ 1:50,000

0 1 2 3 Statute Miles

0 1 2 3 Nautical Miles

CONTOUR INTERVAL - 20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS - 10 METERS

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO ĐỘ: 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO ĐỘ PHỤ TÙNG 10 MÉT

SPHEROID EVEREST
GRID 1,000 METER UTM ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES);
ZONE 49 (BLUE NUMBERED TICKS)
PROJECTION TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM INDIAN DATUM 1960

CREDITS
PREPARED BY AMS (LU), U.S. ARMY, 1966
NAMES BY NGS, VIETNAM
CONTROL BY 29TH ENGR BN, NGS, VIETNAM
PRINTED BY AMS (CO), U.S. ARMY

REFER CORRECTIONS TO THIS MAP TO COMMANDING OFFICER, ARMY MAP SERVICE, WASHINGTON, D.C.
XIN GỬI NHỮNG SỬA ĐỔI TRONG BẢN ĐỒ NÀY ĐẾN NHÀ ĐẠ-DU QUỐC GIA, ĐÀ-LẠT, VIỆT-NAM

DELINATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE
RANH GIỚI HÀNH-CHÁNH TRÊN BẢN ĐỒ NÀY CHỈ PHẠC-HOÀ VỚI TÍNH-CÁCH ĐẠI-CƯƠNG

GRID COORDINATE
TO OBTAIN A STANDARD REFERENCE ON THIS SHEET TO NEAREST 100 METERS
SAMPLE POINT SPOT ELEVATION 191

BOUNDARIES NHỮNG ĐỊA-GIỚI

ADJOINING SHEETS BẢNG RÁP ĐỊA-ĐỒ

ELEVATION GUIDE CHỈ ĐẠO CAO ĐỘ

VIETNAMESE **ENGLISH** **COMPARABLE**

Tiêu, Khu or Tỉnh, Province, State

Quận, District, County

Xã or Làng, Village, Township

Ấp, Hamlet, Town

Trung Pháo, Việt Nam

A, Tỉnh, Province

B, Quận, District

C, Quận, District

D, Quận, District

E, Quận, District

F, Quận, District

G, Quận, District

H, Quận, District

I, Quận, District

J, Quận, District

K, Quận, District

L, Quận, District

M, Quận, District

N, Quận, District

O, Quận, District

P, Quận, District

Q, Quận, District

R, Quận, District

S, Quận, District

T, Quận, District

U, Quận, District

V, Quận, District

W, Quận, District

X, Quận, District

Y, Quận, District

Z, Quận, District